

Bản án số: 110/2026/HS-ST

Ngày 08 - 5 - 2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Thái Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lâm Quang Huy

Nguyễn Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2026/TLST- HS ngày 11 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994 tại tỉnh Ninh Bình; giới tính: Nam; Số căn cước công dân: 033204011442 cấp ngày 28/10/2022, nơi cấp: Bộ C1; nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã T, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: Ngõ B L, tổ G, phường P, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung S và bà Đoàn Thị H; có vợ: Trần Thị H1 có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/01/2026 đến ngày 23/01/2026 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** **chị** Thiều Thị H2, sinh năm 1992, trú tại: thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T - là nhân viên ngân hàng V chi nhánh H3 (cũ). Năm 2023, T nảy sinh ý định nếu có người quen biết cần vay tiền thì sử dụng tiền cá nhân cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính. Để thực hiện hành vi, Nguyễn Văn T sử dụng các tài khoản cá nhân số 0865678983; số 797239666 mở tại ngân hàng V

và tài khoản số 8865678983 mở tại ngân hàng T3 để cho vay và nhận tiền lãi của người vay. Thời điểm này, chị Thiều Thị H2, sinh năm 1992, trú tại: thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình - là người quen biết với T cần tiền kinh doanh nên đã hỏi vay tiền thì T đồng ý. Khi vay giữa T và chị H2 không viết giấy vay nợ cũng như không cầm cố tài sản gì. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến 7/2025, T đã 02 lần cho chị H2 vay, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 16/7/2023, chị H2 sử dụng số thuê bao 0376.378.118 gọi đến số thuê bao 0382.726.633 của T hỏi vay 100.000.000 đồng. T và chị H2 thống nhất lãi suất vay là 5.000đ/triệu/ngày, thời hạn vay tính theo tháng, một tháng được tính là 30 ngày, hết thời hạn vay mà chưa trả được gốc thì tiếp tục tính lãi tháng tiếp theo đến khi nào trả hết tiền gốc.

Ngày 17/7/2023, T sử dụng tài khoản số 0865678983 chuyển 100.000.000đ đến tài khoản số 0901000021584 của chị H2 mở tại ngân hàng V1. Sau khi vay, từ ngày 25/8/23 đến 12/3/2024, chị H2 đã 06 lần chuyển tiền từ tài khoản 0901000021584 của chị H2 đến tài khoản 797239666 của Nguyễn Văn T để trả tiền lãi vay gồm ngày 25/8/2023 chuyển 15.000.000đ; ngày 30/9/2023 chuyển 15.000.000đ; ngày 09/12/2023 chuyển 20.000.000đ; ngày 03/1/2024 chuyển 10.000.000đ và ngày 19/02/2024 chuyển 30.000.000đ. Đến ngày 12/3/2024 chị H2 sử dụng tài khoản số 33169593666 mở tại ngân hàng V chuyển số tiền 135.000.000đ vào tài khoản số 8865678983 của T để tất toán khoản vay (gồm 35.000.000đ tiền lãi và 100.000.000đ tiền gốc) nhưng thực tế chị H2 chỉ phải trả 30.000.000đ tiền lãi, việc chuyển thừa 5.000.000đ là do giữa T và chị H2 tính nhầm. Quá trình điều tra chị H2 không yêu cầu T phải trả lại 5.000.000đ tiền thừa này.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tổng số tiền lãi Nguyễn Văn T đã nhận từ chị H2 của khoản vay trên là 120.000.000 đồng/240 ngày vay (tương đương 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Số tiền lãi với mức cao nhất mà chị H2 phải trả cho T theo quy định của Bộ luật Dân sự là:  $(20\%:365\text{ngày}) \times 240 \text{ ngày} \times 100.000.000\text{đ} = 13.150.684 \text{ đồng}$ . Số tiền Nguyễn Văn T đã thu lời bất chính trong khoản vay trên là  $(120.000.000\text{đ} - 13.150.684\text{đ}) = \mathbf{106.849.316 \text{ đồng}}$ .

- Lần thứ hai: Cũng với thỏa thuận như trên, ngày 09/4/2024, T cho chị H2 vay số tiền 50.000.000đ bằng cách chuyển tiền từ tài khoản số 8865678983 đến tài khoản số 0901000021584 của chị H2.

Sau khi vay, từ ngày 09/5/2024 đến 16/7/2025 (450 ngày), chị H2 đã 12 lần chuyển trả tiền lãi từ tài khoản 0901000021584 đến tài khoản của Nguyễn Văn T (gồm các ngày 09/5/2024; 24/6/2024; 20/7/2024; 16/8/2024 11/9/2024; 13/10/2024; 14/11/2024; 11/12/2024; 22/5/2025; (mỗi lần 7.500.000đ); các ngày 24/01/2025; 08/4/2025; 16/7/2025 (mỗi lần 15.000.000đ)). Đến tháng 8/2025, do chị H2 không còn khả năng trả lãi nên T không đòi tiền lãi nữa mà chỉ yêu cầu chị H2 trả tiền gốc nhưng đến nay chị H2 vẫn chưa trả được;

Tổng số tiền lãi Nguyễn Văn T đã nhận từ chị H2 của khoản vay trên là 112.500.000 đồng/450 ngày vay (tương đương 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Số tiền lãi với mức cao nhất mà chị H2 phải trả cho T theo quy định của Bộ luật Dân sự là:  $(20\%:365\text{ngày}) \times 450 \text{ ngày} \times 50.000.000\text{đ} = 12.328.767 \text{ đồng}$ . Số tiền Nguyễn Văn T đã thu lãi bất chính trong khoản vay trên là  $(112.500.000\text{đ} - 12.328.767\text{đ}) = \mathbf{100.171.233 \text{ đồng}}$ .

Ngày 15/01/2026, chị H2 có đơn tố cáo hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Văn T nên Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh N đã triệu tập Nguyễn Văn T để đầu tranh, làm rõ. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và tự nguyện giao nộp 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone 15 P để phục vụ điều tra. Khai thác dữ liệu trên điện thoại di động Iphone 15 Pro Max của T xác định: Tại mục danh bạ lưu số điện thoại 0376.378.118 và 0354.686.459 của chị H2 tên “K.Hằng Vĩnh T1”. Tại ứng dụng Zalo, tài khoản đăng nhập tên “Nguyễn Thuỷ” đăng ký bằng số +84865678983 có các tin nhắn với tài khoản “K.Hằng Vĩnh T1” đăng ký bằng số +84354.686.459 thể hiện việc T cho chị H2 vay lãi nặng. Kiểm tra dữ liệu điện tử trên điện thoại Iphone 16 Promax của chị Thiều Thị H2 có các nội dung tin nhắn Z thể hiện T cho vay lãi nặng;

Tiến hành sao kê các tài khoản số 0865678983; số 797239666 của Nguyễn Văn T và số 33169593666 của chị Thiều Thị H2 mở tại ngân hàng V; tài khoản số 8865678983 của Nguyễn Văn T mở tại ngân hàng T3; tài khoản số 0901000021584 mở tại ngân hàng V1 của chị Thiều Thị H2 để xác minh việc chuyển tiền, kết quả: Đúng thời gian và số tiền chuyển như nêu trên.

*\* Việc xử lý vật chứng:*

Đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng T cho vay ngày 17/7/2023 và tổng số tiền lãi 232.500.000 đồng của 02 khoản vay mà Nguyễn Văn T đã nhận từ chị H2, cùng với số tiền gốc 50.000.000 đồng chị H2 vay ngày 09/4/2025 chưa trả cho T, Cơ quan CSĐT đã yêu cầu T và chị H2 giao nộp lại số tiền trên nhưng đến nay T và chị H2 vẫn chưa giao nộp.

*\* Về trách nhiệm dân sự:* Chị Thiều Thị H2 yêu cầu Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền đã thu lãi bất chính đối với hai khoản vay trên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 37/CT-VKS-P3 ngày 07/4/2026 của VKSND tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 201BLHS.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cho vay nặng lãi trong

giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T phạt tiền là hình phạt chính từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**\*Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự.

Đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng T cho vay ngày 17/7/2023 (chị T đã trả cho bị cáo) và số tiền gốc 50.000.000 đồng cho vay ngày 09/4/2025 (chị H2 chưa trả cho bị cáo) đều là tiền sử dụng để cho vay lãi nặng nên cần truy thu của T và chị H2 sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền lãi 232.500.000 đồng của 02 khoản vay mà T đã nhận từ chị H2, trong đó có 25.479.451 đồng - là tiền tương ứng mức lãi xuất cao nhất bị cáo được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền còn lại 207.020.549 đồng là tiền bị cáo thu lời bất chính nên buộc bị cáo trả lại cho chị H2.

Ghi nhận trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình số tiền 207.021.000 đồng (*Theo biên lai số 0001596 ngày 28/4/2026*), đối trừ số tiền cần truy thu của bị cáo gồm 100.000.000đ tiền gốc khoản vay ngày 17/7/2023 và 25.479.451 đồng tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự để sung quỹ Nhà nước; còn lại 81.541.549 đồng để trả lại cho chị H2 nhưng do chị H2 chưa nộp lại 50.000.000đ tiền gốc của khoản vay ngày 09/4/2025 nên đối trừ để nộp ngân sách Nhà nước, còn lại 31.541.549 đồng trả lại cho chị H2. Đồng thời tiếp tục truy thu của bị cáo 125.479.000đ đã thu lời bất chính để trả lại cho chị H2. Do đó: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS đề nghị:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 175.479.451 đồng;
- Trả lại cho chị Thiều Thị Hằng S1 tiền 31.541.549 đồng;
- Truy thu của Nguyễn Văn T số tiền 125.479.000đ để trả lại cho chị Thiều Thị H2.

**\* Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động 15 Promax đã quan sử dụng đây là công cụ bị cáo Nguyễn Thị T2 dùng vào việc phạm tội cần.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bản thân bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về quan điểm của Đại diện VKS, bị cáo tại phần thủ tục tranh tụng: HĐXX thấy việc tranh luận, đối đáp đúng trình tự quy định của pháp luật, các bên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tranh tụng. Quan điểm tranh tụng của các bên đã được HĐXX cân nhắc, đánh giá khi nghị án. Quan điểm của Đại diện VKS về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; biên bản thu giữ vật chứng; biên bản kiểm tra điện thoại các chứng cứ khác thu thập đã đủ cơ sở kết luận: Với mục đích cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, Nguyễn Văn T đã 02 lần cho chị Thiều Thị H2 vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, trong đó:

Ngày 17/7/2023, T cho chị H2 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 240 ngày. Tổng số tiền lãi đã thu là 120.000.000 đồng (tương đương 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lợi bất chính số tiền 106.849.316 đồng.

Ngày 09/4/2024, T cho chị H2 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 450 ngày. Tổng số tiền lãi đã thu là 112.500.000 đồng (tương đương 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lợi bất chính số tiền 100.171.233 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Văn T đã thu lợi bất chính từ 02 khoản cho vay trên là 207.020.549 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” thuộc trường hợp “thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

[3] Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu về tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS .

Do đó Cáo trạng số 37 /CT-VKSND-P1 ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 201 BLHS, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo 02 lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng thu lợi bất chính mỗi lần trên 30.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại số tiền 207.021.000 đồng tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt ( Có xác nhận của chính quyền địa phương) đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

Khi quyết định hình phạt, HĐXX thấy cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo để vừa thể hiện nguyên tắc công bằng, nhân đạo của pháp luật, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thấy: Căn cứ Điều 35 BLHS - HĐXX thấy không nhất thiết phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên một mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung do bị cáo Nguyễn Văn T bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự - HĐXX thấy đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Ninh Bình là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp đối với bị cáo; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc Thi hành án, cần:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội và 25.479.451 đồng là tiền tương ứng mức lãi suất cao nhất bị cáo được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội để sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền 50.000.000 đối với chị Thiều Thị H2 là tiền sử dụng vào việc phạm tội của bị cáo mà chị H2 chưa trả cho Nguyễn Văn T để sung ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền tiền 207.020.549 đồng đã chiếm hưởng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Thiều Thị H2

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp số chiếm hưởng là 207.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax thu giữ của Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 201 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T hình phạt chính bằng tiền, mức phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T là 250.000.000 đồng.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội và 25.479.451 đồng là tiền tương ứng mức lãi suất cao nhất bị cáo được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội để sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền 50.000.000 đối với chị Thiều Thị H2 là tiền sử dụng vào việc phạm tội của bị cáo mà chị H2 chưa trả cho Nguyễn Văn T để sung ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền tiền 207. 020.549 đồng đã chiếm hưởng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Thiều Thị H2.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp số chiếm hưởng là 207.000.000 đồng Biên lai thu số 00001596 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

**\*Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu để sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax .

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/4/2026 giữa Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N).

4. Án phí: Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000.000 đồng

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa phúc thẩm TAND Tối cao (01 bản);
  - VKSND Tối cao (01 bản);
  - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
  - Phòng GDKTTT và THA (02 bản);
  - Phòng PC03 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
  - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
  - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
  - Bị cáo (01 bản);
  - Người có QLNVLQĐVA (01 bản);
  - Lưu hồ sơ (02 bản);
  - Lưu tòa & Tổ hành chính tư pháp 0(2 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Chu Thái Hà**

